TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **32** /2025/DS-ST*
Ngày 25 tháng 8 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du và ông Nguyễn Văn Trình

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Nguyên Khang

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa***:** Ông Lê Thế Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T1; (**tên cũ: Công ty TNHH MTV T2**).**

Trụ sở: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C - Số A, đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. *(Nay là lô đất 1-13 thuộc Khu cức năng số 1 – Số A T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh)*. Đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phùng Minh Đ. Chức vụ: Giám đốc Khối thu hồi nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 048/2024/GUQ-TGĐ ngày 04/10/2024).

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: **Công ty L**. Trụ sở: Số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Nay là số H N, phường H, thành phố Đà Nẵng*)*. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ1. Chức vụ: Giám đốc. (Theo Giấy uỷ quyền số 04/2025/UQ-KK-SVFC ngày 03/3/2025)

Công ty L uỷ quyền cho các ông/bà sau tham gia tố tụng tại Toà án: Ông Hoàng Văn Đ1, Bà Nguyễn Ngọc A, bà Lê Thị Thảo N, bà Đỗ Thị Thùy T, ông Trần Hoàng H. Cùng địa chỉ: Số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Nay là số H N,

phường H, thành phố Đà Nẵng*)*. Theo Văn bản uỷ quyền số 12/UQ.2025 ngày 04/03/2025. Bà Ngọc A có mặt

- Bị đơn: Ông **Hoàng Đình P**, sinh năm: 2001. Địa chỉ: K N, tổ F, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Nay là K N, phường T, thành phố Đà Nẵng*)*. Ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2025, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày tại phiên toà của nguyên đơn – Công ty T1 và người đại diện theo uỷ quyền, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/7/2023, Công ty T1 (Sau đây gọi tắt là "Công ty T1" hoặc "Công ty") và ông Hoàng Đình P có ký hợp đồng cho vay số 101452696 (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng").

Theo đó, Công ty T1 cho ông Hoàng Đình P vay số tiền 31.000.000 đồng với lãi suất 40%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình và phí bảo hiểm khoản vay, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 11/7/2023, Công ty T1 đã giải ngân số tiền 30.003.000 đồng *(Ba mươi triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng)* cho ông Hoàng Đình P sau khi trừ 997.000 đồng phí bảo hiểm khoản vay.

Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Hoàng Đình P có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng **36 kỳ** vào ngày 01 (Một) hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.477.872 đồng, kỳ đầu tiền vào ngày 01/8/2023, kỳ cuối cùng vào ngày 01/07/2026. Tuy nhiên đến nay, Ông Hoàng Đình P chỉ mới thanh toán tổng cộng 02 kỳ với tổng số tiền **2.955.744 đồng** *(Hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng)*.

Kể từ ngày 01/10/2023 đến nay, ông Hoàng Đình P không thanh toán cho Công ty thêm bất kì khoản tiền nào mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng Ông Hoàng Đình P vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 nên khoản vay của ông Hoàng Đình P bị chuyển quá hạn. Đến ngày 05/3/2025, Công Ty đã gửi thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn do vi phạm hợp đồng tín dụng cho ông Hoàng Đình P. Theo đó, Công ty T1 sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc chưa đến hạn thành dư nợ gốc quá hạn kể từ ngày 10/3/2025. Lãi suất áp dụng đối với toàn bộ dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn được tính bằng 150% của Lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên toà, Công ty T1 yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Hoàng Đình P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/08/2025 là 57.515.910đ *(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm mười đồng)*. Trong đó: Nợ gốc: 29.784.874 đồng; nợ lãi trong hạn: 14.899.053 đồng; Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 12.831.983 đồng;

- Buộc ông Hoàng Đình P tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo thoả thuận tại hợp đồng đã ký trên dư nợ gốc từ ngày 26/08/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

- Công ty T1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả/lãi quá hạn là 1.139.022 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Đình P đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 gửi đến Toà án. Nên Toà án không hoà giải được các tranh chấp trong vụ án. Tại phiên toà, ông Hoàng Đình P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả/trên lãi quá hạn là 1.139.022 đồng do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty T1, buộc bị đơn – ông Hoàng Đình P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (nay là Toà án nhân dân Khu vực 3 –

Đà Nẵng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Hoàng Đình P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả/lãi quá hạn là 1.139.022 đồng: Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã tự nguyện rút.

Xét tính hợp pháp của các hợp đồng cho vay số 101452696 ngày 11/7/2023 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Công ty T1 đã giải ngân cho ông Hoàng Đình P số tiền 30.003.000 đồng *(Ba mươi triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng)* sau khi trừ 997.000 đồng phí bảo hiểm khoản vay. Sau khi được giải ngân, ông Hoàng Đình P đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty T1, ông P chỉ mới thanh toán tổng cộng 02 kỳ với tổng số tiền 2.955.744 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2023 đến nay, Ông Hoàng Đình P không thanh toán cho Công ty T1 thêm bất kì khoản tiền nào nên khoản vay của ông Hoàng Đình P bị chuyển nợ quá hạn. Đến ngày 05/3/2025, Công Ty T1 đã gửi thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn do vi phạm hợp đồng tín dụng cho ông Hoàng Đình P. Theo đó, Công ty T1 sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc chưa đến hạn thành dư nợ gốc quá hạn kể từ ngày 10/3/2025. Lãi suất áp dụng đối với toàn bộ dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn được tính bằng 150% của Lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Mặc dù Công ty T1 đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàng Đình P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn cho Công ty T1 theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông Hoàng Đình P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng quy định Lịch trả nợ/Lịch trả nợ điều chỉnh kèm theo Hợp đồng cho vay đã ký. Tại phiên tòa, Công ty T1 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – ông Hoàng Đình P phải trả ngay cho Công ty T1 tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/8/2025 là 57.515.910đ *(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn*

chín trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc: 29.784.874 đồng; nợ lãi trong hạn: 14.899.053 đồng; Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 12.831.983 đồng; và buộc ông Hoàng Đình P phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký là có cơ sở. Bị đơn ông Hoàng Đình P vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày về nội dung tranh chấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Hoàng Đình P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty T1

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi chậm trả/lãi quá hạn là 1.139.022 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Công ty T1 đối với ông Hoàng Đình P.

Xử:

1. Buộc ông Hoàng Đình P phải trả ngay cho Công ty T1 tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/8/2025 là 57.515.910đ *(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm mười đồng).* Trong đó: Nợ gốc: 29.784.874 đồng; nợ lãi trong hạn: 14.899.053 đồng; Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 12.831.983 đồng;

2. Buộc ông Hoàng Đình P phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Hoàng Đình P phải chịu là 2.875.796 đồng.

Công ty T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.226.667 đồng đã nộp theo biên lai thu số 6397 ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng)

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**